

Số: 03 /BC-UBND

Vĩnh Linh, ngày 06 tháng 01 năm 2014

## **BÁO CÁO**

### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH HUYỆN NĂM 2013 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH HUYỆN VĨNH LINH NĂM 2014**

#### **Phần thứ nhất**

#### **KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT - XH NĂM 2013**

Năm 2013 là một năm hết sức khó khăn đối với huyện Vĩnh Linh. Trong bối cảnh chịu khó khăn chung của nền kinh tế cả nước, năm qua huyện Vĩnh Linh còn phải chịu hậu quả nặng nề do dịch bệnh xảy ra trên diện rộng ở cây trồng vật nuôi và sự tàn phá khủng khiếp của thiên tai, đặc biệt là cơn bão số 10 và 11. Vượt lên những khó khăn đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và sáng suốt của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân trong toàn huyện, năm 2013, nhiều chỉ tiêu đã đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong đó nổi bật là thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch, xây dựng nông thôn mới đạt kết quả đáng khích lệ, các chỉ tiêu về văn hóa xã hội đạt cao. Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu về kinh tế của huyện không đạt được kế hoạch đề ra, một số chỉ tiêu về nông nghiệp thấp hơn nhiều so với năm 2012. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

#### **A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

##### **I. CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ**

- Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) năm 2013 đạt 4.068 tỷ đồng, tăng 13,4% so với năm 2012 (KH đặt ra là 15,8%). Trong đó ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm 3,4%, ngành công nghiệp xây dựng tăng 19,8%, ngành thương mại - dịch vụ tăng 24,0% so với năm 2012.

- Tỷ trọng ngành Nông - lâm - ngư nghiệp trong tổng giá trị sản xuất từ 39,5% năm 2012 giảm xuống còn 34,0%, ngành Công nghiệp - Xây dựng từ 24,5% tăng lên 26,9%, ngành thương mại - dịch vụ từ 36% tăng lên 39,1% trong năm 2013.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt mức 23,51 triệu đồng/người/năm, tăng 2,01 triệu đồng so với năm 2012 (KH là 24 triệu đồng/người/năm).

- Giá trị công nghiệp - TTCN (theo giá so sánh năm 2010) đạt 509,1 tỷ đồng (tăng 18,8% so với năm 2012), trong đó khu vực ngoài quốc doanh đạt 330,3 tỷ đồng tăng 20,8% so với năm 2012.

- Tổng mức hàng hoá bán lẻ và dịch vụ theo giá hiện hành đạt 1.820 tỷ đồng tăng 27,3% so với năm 2012, trong đó bán lẻ đạt 1.510 tỷ đồng/KH 1.500 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách đạt 334,5 tỷ đồng, đạt 121% so với dự toán (DT 276,5 tỷ đồng), tăng 5,4% so với năm 2012; trong đó thu trên địa bàn đạt 44,1 tỷ đồng, đạt 110,3% so với dự toán (DT 40 tỷ đồng), tăng 0,9% so với năm 2012.

- Tổng chi ngân sách đạt 328,9 tỷ đồng, đạt 119,1% so với dự toán (DT 276,2 tỷ đồng), tăng 4,9% so với năm 2012; trong đó, chi thường xuyên đạt 285,6 tỷ đồng, đạt 164,9% so với dự toán (DT 173,2 tỷ đồng), tăng 5,8% so với năm 2012.

- Sản lượng thủy hải sản năm 2013 đạt 3.579 tấn/KH 4.150 tấn đạt 86,2% kế hoạch, trong đó nuôi trồng đạt 1.403 tấn đạt 75,8% so với năm 2012.

- Trồng mới 1.710 ha rừng tập trung/KH 1.500 ha và 810 nghìn cây phân tán. Tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2013 đạt tỷ lệ 48,3%.

- Cao su mù khô 9 tháng đầu năm đạt 6.252 tấn, cả năm đạt 7.415 tấn/KH 7.840 tấn, giảm 425 tấn so với năm 2012.

- Trồng mới được 256 ha/KH 200 ha cao su, 83 ha hồ tiêu/KH 20 ha.

- Sản lượng lương thực có hạt đạt 30.710 tấn/KH 35.676 tấn, bằng 84,6% so với năm 2012. Trong đó sản lượng lúa đạt 29.993 tấn/KH 34.650 tấn, bằng 84,2% sản lượng lúa năm 2012.

- Tiêu hạt khô đạt 1.157 tấn/KH 820 tấn, tăng 123 tấn so với năm 2012.

- Lạc vỏ đạt 3.435 tấn/KH 3.672 tấn, giảm 84 tấn so với năm 2012.

Năm 2013, trong 14 chỉ tiêu kế hoạch về phát triển kinh tế có 7 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; 7 chỉ tiêu không đạt, đó là: tốc độ tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người, giá trị Công nghiệp - TTCN, sản lượng thủy hải sản, sản lượng lương thực có hạt, sản lượng cao su và sản lượng lạc vỏ.

## **II. CÁC CHỈ TIÊU VĂN HOÁ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

- Tạo việc làm mới cho 1.450 lao động/KH 1.300 lao động. Tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 41% /KH 41%.

- Tốc độ tăng dân số tự nhiên ở mức 0,83%/KH 0,8% (năm 2012 tỷ lệ này là 1,09%).

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo cân nặng ở mức 9,7%/KH 10,4% (năm 2012 tỷ lệ này là 12,6%).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới quốc gia từ 10,1% năm 2012 giảm xuống còn 8,5% trong năm 2013.

- Tỷ lệ rác thải được thu gom ở khu vực thị trấn đạt tỷ lệ 88%.

- Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 88%.

- 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi. Số trường đạt chuẩn Quốc gia trong năm 2013 đạt 43 trường/KH 43 trường. (trong đó có 2 trường đạt chuẩn đã sát nhập với nhau).

- 12 xã/KH 8 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế theo chuẩn 2011-2020. Tăng 8 xã so với năm 2012.

- An ninh quốc phòng được giữ vững.

Trong 9 chỉ tiêu kế hoạch về phát triển văn hóa - xã hội và môi trường, có 7 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 2 chỉ tiêu không đạt, đó là: tốc độ tăng dân số, tỷ lệ hộ nghèo.

### **III. CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Số xã hoàn thành đề án Xây dựng nông thôn mới: 12 xã /KH 19 xã.

Số xã hoàn thành trên 10 tiêu chí: 12 xã/KH 8 xã. Trong đó: số xã đạt từ 13 -16 tiêu chí: 6 xã; Số xã đạt từ 10-12 tiêu chí: 6 xã.

Số xã hoàn thành từ 7-9 tiêu chí: 3 xã/KH 9 xã

Số xã hoàn thành từ 5-6 tiêu chí: 1 xã/KH 2 xã

Số xã hoàn thành dưới 5 tiêu chí: 3 xã, gồm: Vĩnh Ô, Vĩnh Khê, Vĩnh Hà.

### **B. KẾT QUẢ CỤ THỂ TRÊN CÁC NGÀNH, CÁC LĨNH VỰC**

#### **I. LINH VỰC KINH TẾ**

##### **1. Nông - Lâm - Ngư nghiệp**

Giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) của ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm 3,4% so với năm 2012, đạt 92,4% KH đặt ra. Trong đó, nông nghiệp giảm 4,2%, lâm nghiệp tăng 4,6%, ngư nghiệp giảm 1,7% so với năm 2012.

Vụ Đông - Xuân 2012-2013, điều kiện khí hậu diễn biến phức tạp; Giai đoạn lúa làm đòng bị chuột gây hại nặng, từ lúc lúa trở đến chín bị rầy nâu phá hoại trên diện rộng làm năng suất chỉ đạt 42,5 tạ/ha (KH đặt ra là 52,5 tạ/ha), giảm 10,4 tạ/ha so với vụ Đông - Xuân năm trước. Diện tích gieo trồng lúa Đông Xuân đạt 3.952 ha, sản lượng đạt 16.796 tấn/KH 19.950 tấn, bằng 80,4% so với sản lượng lúa vụ Đông - Xuân năm 2011 - 2012.

Vụ Hè - Thu xuất hiện rầy lưng trắng, rầy nâu, chuột phá hại lúa, ở một số xã như Vĩnh Hiền, Vĩnh Thành, Vĩnh Hòa sản lượng gần như mất trắng khiến năng suất toàn huyện giảm. Diện tích gieo trồng lúa vụ Hè - Thu đạt 3.081 ha/KH 3000 ha, năng suất đạt 42,8 tạ/ha (KH 49 tạ/ha), sản lượng đạt 13.197 tấn, bằng 89,6% so với sản lượng lúa vụ Hè - Thu năm 2012.

Tổng diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 7.033 ha, năng suất đạt 42,6 tạ/ha, sản lượng đạt 29.993 tấn, giảm 5.611 tấn so với năm 2012, đạt 86,6% KH đặt ra.

Một số cây trồng chủ yếu khác như ngô, sắn, khoai lang, lạc sản lượng giảm; rau và các cây hàng năm khác tăng nhẹ so với năm 2012 (Chi tiết xem tại biểu số liệu).

Đến cuối tháng 9/2013, diện tích cao su toàn huyện đạt 7.151 ha. Trong đó, diện tích cho sản phẩm đạt 5.150 ha (tăng 400 ha so với năm 2012), với năng suất đạt 15,5 tạ/ha, sản lượng đã khai thác trong 9 tháng đầu năm đạt 6.252 tấn, tuy nhiên giá mủ cao su năm 2013 tiếp tục giảm khiến thu nhập của hộ trồng cao su giảm so với cùng kỳ năm trước. Đầu tháng 10/2013, do ảnh hưởng của cơn bão số 10 và 11, toàn huyện có khoảng 1.200 ha cao su bị gãy đổ hoàn toàn không phục hồi được. Đến cuối năm diện tích cao su toàn huyện còn khoảng 6.207 ha, trong đó 3.950 ha cho sản phẩm, sản lượng cả năm đạt 7.415 tấn/KH 7.840 tấn, bằng 98,8% sản lượng của năm 2012.

Trái với cao su và lúa gạo, cây hồ tiêu năm nay vừa được mùa, vừa được giá. Diện tích cây hồ tiêu toàn huyện trong năm 2013 đạt 1.028 ha, tăng 83 ha so với năm 2012, diện tích cho thu hoạch 857 ha tăng 30 ha so với năm 2012, năng suất đạt 13,5 tạ/ha (năm 2012 là 12,5 tạ/ha), sản lượng đạt 1.157 tấn tăng 123 tấn so với năm 2012. Do ảnh

hưởng của cơn bão số 10 và 11, 865 ha hồ tiêu bị gãy đổ, tuy nhiên diện tích này có thể phục hồi được.

UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn tổ chức tiêm phòng các loại vaccin cho đàn vật nuôi, gia cầm trong vụ Xuân năm 2013 và tiêm phòng vắc xin phòng bệnh cúm gia cầm đợt II. Kịp thời chỉ đạo xử lý, tiêu hủy lợn tai xanh và gia cầm bị cúm H5N1, không để dịch bệnh bùng phát trên diện rộng. Đồng thời có sự hỗ trợ kịp thời cho các gia đình có gia súc, gia cầm bị dịch bệnh phải tiêu hủy. Đến cuối năm, đàn trâu đạt 4.509 con, đàn bò 9.779 con, đàn lợn 43.175 con, gia cầm 281 ngàn con, thịt hơi khoảng 6.831 tấn. Số lượng đàn gia súc, gia cầm nhìn chung giảm so với năm 2012.

Các biện pháp bảo vệ rừng tiếp tục được tăng cường. Quyết liệt chỉ đạo các ban ngành chức năng tăng cường tuần tra, theo dõi các đối tượng khai thác gỗ lậu, đặc biệt là sau cơn bão số 10, mực nước sông dâng cao rất thuận lợi cho việc chuyển gỗ trái phép về đồng bằng. Nhờ làm tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng nên mặc dù thời tiết nắng nóng nhưng trên địa bàn không xảy ra cháy rừng. Trong năm 2013 trồng được 1.710 ha rừng tập trung, khoảng 810 nghìn cây phân tán, chăm sóc được 5.219 ha rừng, khai thác được 31.600 m<sup>3</sup> gỗ rừng trồng. Do ảnh hưởng của cơn bão số 10 và 11, trên địa bàn huyện có 4.672 ha rừng bị thiệt hại, trong đó 2.843 ha rừng bị gãy đổ trên 70%. Đến cuối năm 2013, độ che phủ rừng đạt tỷ lệ 48,3% (năm 2012 tỷ lệ này là 50%).

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2013 đạt 823,8 ha, trong đó nuôi tôm 288 ha. Sản lượng nuôi trồng thủy hải sản đạt 3.579 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 1.403 tấn giảm 771 tấn (chủ yếu là sản lượng tôm) so với năm 2012, nguyên nhân là do dịch bệnh đốm trắng, hội chứng gan tụy, đầu vàng đã bùng phát trên diện rộng với gần 90% diện tích nuôi tôm bị nhiễm bệnh. UBND huyện đã phối hợp cùng các ban ngành liên quan và các hộ nuôi tôm bị nhiễm bệnh xử lý những diện tích bị nhiễm bệnh, tổng kinh phí phục vụ dập dịch 1,7 tỷ đồng trong đó ngân sách huyện 510 triệu đồng (30%), ngân sách tỉnh 850 triệu đồng (50%), người dân đối ứng 340 triệu đồng (20%).

Tiếp tục đầu tư phương tiện tàu thuyền và ngư lưới cụ đánh bắt, kết hợp phương pháp đánh bắt gần bờ và xa bờ đã đưa lại hiệu quả cao trong khai thác biển. Sản lượng khai thác cả năm đạt 2.176 tấn, tăng 392 tấn so với năm 2012.

**\* Thiệt hại do bão số 10 và 11 gây ra:** Do ảnh hưởng của bão, trên địa bàn huyện Vĩnh Linh có 01 người chết và 22 người bị thương. 8.755 ngôi nhà bị sập và tốc mái, nhiều tuyến đường xá, cầu cống, kênh mương, đê kè, tàu thuyền, trường học, trạm xá, trụ sở cơ quan... bị hư hại, nhiều diện tích rừng và cây công nghiệp bị ảnh hưởng. Trong đó nặng nhất là 5.496 ha cao su bị gãy đổ. Tổng mức thiệt hại toàn huyện do bão số 10 và 11 gây ra (chưa tính đến điện lực và viễn thông) là 1.993 tỷ đồng.

## **2. Công nghiệp - XDCB**

Giá trị công nghiệp - TTCN (theo giá so sánh năm 2010) đạt 509,1 tỷ đồng (tăng 18,8% so với năm 2012), trong đó khu vực ngoài quốc doanh đạt 330,3 tỷ đồng tăng 20,8% so với năm 2012, khu vực nhà nước đạt 178,9 tỷ đồng tăng 15,2% so với năm 2012. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu duy trì ổn định số lượng, trong

đó: Gạch ngói 29.800 viên, cát sạn 71 nghìn m<sup>3</sup>, nước máy 477 nghìn m<sup>3</sup>, Titan 21.200 tấn, điện thương phẩm 54 triệu KW/h, nước mắm 1.215 lít.

Năm 2013, huy động được khoảng 150 tỷ đồng nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Cũng trong năm, huyện đã hoàn thành đưa vào sử dụng một số công trình lớn như: Nhà thi đấu luyện tập TDTT huyện; Trường THCS TT Cửa Tùng; Trạm y tế xã Vĩnh Nam, Vĩnh Hiền; Trường tiểu học, mầm non Vĩnh Ô... Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ các công trình trọng điểm khởi công mới trong năm như: Trụ sở phòng Tài chính - KH huyện và các phòng ban; Đường giao thông Thạch Kim - Hiền Hòa; Đường liên xã Vĩnh Hòa - thị trấn Cửa Tùng; Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Cửa Tùng; Đường từ khu 4 Thạch đến trụ sở UBND thị trấn Cửa Tùng ...

### **3. Thương mại - dịch vụ**

Hoạt động thương mại - dịch vụ ngày càng phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong huyện. Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu và gian lận thương mại, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được tăng cường. Năm 2013 tổng mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ tăng nhanh, đạt 1.820 tỷ đồng, tăng 27,3% so với năm 2012, trong đó bán lẻ đạt 1.510 tỷ đồng.

Đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng các chòi nghỉ tại bãi tắm Cửa Tùng. Chỉ đạo UBND thị trấn Bến Quan thực hiện phương án đấu giá sử dụng lô quây tại chợ đầu mối nông lâm sản Bến Quan. Đồng ý cho công ty TNHH TMDV Sài Gòn Đông Hà đưa hàng về bán bình ổn giá tại các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Hòa, Vĩnh Lâm, Vĩnh Kim, thị trấn Bến Quan, thị trấn Cửa Tùng. Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại Quảng Trị tổ chức tốt phiên chợ hàng Việt về nông thôn tại thị trấn Cửa Tùng trong tháng 7/2013.

Khảo sát địa điểm và đề nghị bổ sung vào quy hoạch để xây dựng cây xăng dầu tại xã Vĩnh Sơn trên tuyến đường tránh khu di tích đôi bờ Hiền Lương. Đã thông qua đề án phát triển thương mại - du lịch và phát triển đô thị huyện Vĩnh Linh đến năm 2020.

### **4. Tài chính - Tín dụng**

Công tác thu chi ngân sách được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng luật. UBND huyện đã tổ chức cuộc họp với Chi cục thuế và các ban ngành liên quan bàn biện pháp thu nợ đọng, tăng thu ngân sách 2013, chỉ đạo các đơn vị tăng cường phối hợp với chi cục thuế, sử dụng các biện pháp đồng bộ để tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2013 đạt Kế hoạch đề ra.

- Tổng thu ngân sách đạt 334,5 tỷ đồng, đạt 121% so với dự toán (DT 276,5 tỷ đồng), tăng 5,4% so với năm 2012; trong đó thu trên địa bàn đạt 44,1 tỷ đồng, đạt 110,3% so với dự toán (DT 40 tỷ đồng), tăng 0,9% so với năm 2012.

- Tổng chi ngân sách đạt 328,9 tỷ đồng, đạt 119,1% so với dự toán (DT 276,2 tỷ đồng), tăng 4,9% so với năm 2012; trong đó, chi thường xuyên đạt 285,6 tỷ đồng, đạt 164,9% so với dự toán (DT 173,2 tỷ đồng), tăng 5,8% so với năm 2012.

Năm 2013 tình hình hoạt động của các quỹ tín dụng và ngân hàng thương mại trên địa bàn tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn, tăng trưởng tín dụng ở mức âm 1,1%. Tuy nhiên, các đơn vị vẫn chấp hành nghiêm túc các chính sách điều hành tiền tệ, lãi suất của ngân hàng Trung ương. Tổng dư nợ đến cuối năm 2013 đạt 931,3 tỷ đồng.

## **5. Phát triển doanh nghiệp và quản lý HTX**

Trên địa bàn huyện hiện nay có 161 doanh nghiệp đang hoạt động. Do phần lớn các doanh nghiệp chưa tiếp cận được các nguồn vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp; các khoản nợ vay từ các năm trước vẫn chưa thanh toán nên việc vay vốn từ ngân hàng của các doanh nghiệp gặp khó khăn. Ngoài ra, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, giá cả các sản phẩm đầu vào biến động... đã khiến nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm việc làm, nợ đọng thuế và thậm chí nhiều doanh nghiệp đứng trước nguy cơ phá sản, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Tính trong giai đoạn 2011 - 2013 có 16 doanh nghiệp giải thể hoặc ngừng hoạt động, chủ yếu là các doanh nghiệp xây dựng, doanh nghiệp chế biến nông lâm sản.

Toàn huyện có 57 HTX, 2 liên hiệp HTX với tổng số thành viên lên khoảng 2.300 xã viên. Tổng doanh thu của các HTX trong năm 2013 đạt khoảng 20 tỷ đồng. Thực hiện đúng Luật HTX và chủ trương của Đảng, Nhà nước, năm 2013, UBND huyện đã tiến hành giải thể bắt buộc đối với 06 HTX thủy sản trên địa bàn xã Vĩnh Thái do nhiều năm không hoạt động.

## **6. Xây dựng nông thôn mới**

Trong năm 2013, UBND huyện tiến hành đẩy mạnh việc hướng dẫn các xã công bố đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới, hoàn thành đề án xây dựng nông thôn mới và triển khai thực hiện đề án theo đúng tiến độ. Trong năm đã hoàn thành thẩm định và phê duyệt đề án nông thôn mới cho 12 xã.

Được sự phân cấp ủy quyền của UBND tỉnh, năm 2013 UBND huyện đã tiến hành hướng dẫn, thông báo cơ cấu hạng mục nguồn vốn xây dựng cơ sở hạ tầng cho 06 xã điểm xây dựng NTM, hướng dẫn các xã lập dự toán, thanh toán và quyết toán nguồn vốn CTMTQG về Xây dựng NTM. Đồng thời giao phòng Tài chính - KH thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn CTMTQG về Xây dựng NTM giúp các chủ đầu tư là UBND các xã tiến hành phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Huyện nhà vinh dự được Chủ tịch nước đến thăm và hỗ trợ đầu tư xây dựng nông thôn mới cho xã Vĩnh Thạch. Tổ chức hội nghị ký kết thi đua Vĩnh Linh chung sức xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ theo Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, đến cuối năm 2013 có 12/19 xã hoàn thành đề án Xây dựng Nông thôn mới, 12 xã/KH 8 xã đạt 10 tiêu chí trở lên, 3 xã/KH 9 xã đạt từ 7- 9 tiêu chí, 2 xã/KH 2 xã đạt 5 - 6 tiêu chí. Các xã điểm hiện tại số tiêu chí đạt được như sau: Vĩnh Kim: 16; Vĩnh Lâm, Vĩnh Thạch: 15; Vĩnh Thủy, Vĩnh Hiền: 14; Vĩnh Trung: 12. Trong đó, nổi bật có các xã không phải là xã điểm nhưng đạt được số chỉ tiêu cao như: xã Vĩnh Thành 13; Vĩnh Tân 12; Vĩnh Sơn, Vĩnh Nam, Vĩnh Tú: 11, Vĩnh Hòa 10 tiêu chí.

## **II. VĂN HÓA - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Giáo dục và đào tạo**

Chủ đề trọng tâm năm học, các cuộc vận động, các phong trào do Bộ Giáo dục - Đào tạo phát động đã được triển khai tích cực, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học; giữ vững kỷ cương, nề nếp giáo dục. Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học và chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục đào tạo đã được thực hiện có hiệu quả. Các chế độ chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với học sinh nghèo, học sinh con em đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện tốt.

Công tác quản lý giáo dục và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên được quan tâm. Huyện đã chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2012 - 2013 và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học mới 2013 - 2014. Huyện đã thành lập 19 hội đồng xét tốt nghiệp THCS trên địa bàn toàn huyện và tổ chức xét hoàn thành chương trình tiểu học. Kết quả: có 1.085 học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học đạt tỷ lệ 100%; 1.248 học sinh dự xét tốt nghiệp THCS trong đó được công nhận tốt nghiệp là 1.231 đạt tỷ lệ 98,64%. Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT, tỷ lệ tốt nghiệp đạt 98,6% (tăng 1,6% so với năm trước); Tổ chức hội nghị tuyên dương, khen thưởng 365 học sinh giỏi cấp tỉnh, quốc gia và 16 tập thể.

Làm tốt công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia và công tác xã hội hóa giáo dục. Đến cuối năm 2013, toàn huyện có 43/70 trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó trường mầm non Hoa Phượng được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2). UBND tỉnh đã ra Quyết định công nhận 22 xã, thị trấn của huyện đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi trong năm học 2012-2013; Ngành giáo dục huyện đã xây dựng Đề án sáp nhập trường có quy mô nhỏ dưới 10 lớp theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và tiến hành tổ chức sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của các trường sáp nhập. Tính đến nay huyện Vĩnh Linh đã tiến hành sáp nhập được 5 trường theo Đề án. Tổ chức thành công lễ trao thưởng cho 37 cá nhân đạt giải thưởng “Bông sen hồng” lần thứ 6 năm 2013 của huyện.

### **2. Khoa học công nghệ**

UBND huyện đã tiến hành hướng dẫn cho UBND các xã, thị trấn, các phòng ban trên địa bàn huyện đăng ký đề tài, dự án năm 2013. Tiến hành xét chọn được 09 đề tài khoa học đưa vào thực hiện năm 2013. Triển khai các bước thành lập, đăng ký hội viên Hội khoa học kỹ thuật huyện Vĩnh Linh. Tham gia đợt tập huấn và tham quan học tập kinh nghiệm tại tỉnh Hậu Giang do Sở Khoa học và công nghệ tổ chức từ ngày 18/8 đến ngày 25/8/2013.

Tiếp tục đầu tư xây dựng thí điểm mô hình “Làng ứng dụng khoa học - công nghệ” tại thôn Đức Xá, Vĩnh Thủy. Trong năm 2013, UBND huyện đã dành khoảng 2% ngân sách đầu tư vào việc phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ.

### **3. Văn hoá - Thể thao - Du lịch và Thông tin truyền thông**

UBND huyện đã chỉ đạo phòng văn hóa thông tin phối hợp tổ chức tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết TW5 khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời chỉ đạo các xã, thị trấn thành lập ban chỉ đạo "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Tập trung tuyên truyền chào mừng các ngày lễ, ngày kỉ niệm trong năm. Kết quả 100% cơ quan, đơn vị, trường học đóng trên địa bàn huyện đều có băng rôn nội dung mừng Đảng, mừng Xuân và treo cờ Tổ quốc tại các công sở. Đại đa số làng, bản, xóm phổ hưởng ứng tích cực chủ trương phong trào “thắp sáng đường quê”. Đến cuối năm 2013, có 116/195 làng, bản, xóm phổ hoàn thành chương trình “Thắp sáng đường quê”.

Tổ chức các hoạt động hướng tới kỷ niệm 60 năm truyền thống Vĩnh Linh. Tiến hành treo Băng rôn tuyên truyền, cờ Tổ Quốc, cờ Đảng trên các trục đường Hùng Vương, Quốc lộ 1A đoạn TT Hồ Xá. Thay mới nội dung tuyên truyền cụm panô trung tâm, gắn nội dung tuyên truyền hướng đến kỷ niệm 60 năm đặc khu Vĩnh Linh. Xây dựng thể lệ cuộc thi "Sáng tác biểu trưng Vĩnh Linh" nhằm phục vụ cho các hoạt động tuyên truyền của huyện. Tiến hành mời 09 nhạc sỹ trong và ngoài tỉnh tham gia viết các ca khúc tuyên truyền 60 năm truyền thống Vĩnh Linh. Công tác tuyên truyền cũng diễn ra rộng khắp từ huyện đến cơ sở, nhiều băng tin ở các xã, thị trấn, của thôn được đầu tư xây dựng, đổi mới nội dung tuyên truyền, hàng trăm áp phích, băng rôn được gắn trên các trục đường liên thôn, liên xã đã tạo khí thế thi đua sôi nổi trong đông đảo quần chúng nhân dân.

Hoạt động thể dục thể thao đã thu hút đông đảo người dân tham gia từ huyện đến cơ sở, đặc biệt là sau khi huyện khánh thành và đưa vào sử dụng nhà thi đấu và luyện tập thể dục thể thao. Kết quả thi đấu các nội dung đại hội TDTT tỉnh lần thứ VI gồm: 2 giải nhất đua thuyền, 2 giải nhất và 2 giải nhì môn đẩy gậy, 2 giải nhất môn kéo co. Ngoài ra tham gia các môn thể thao người khuyết tật và giải việt già tỉnh đều giành giải nhất toàn đoàn; Trung tâm TDTT phối hợp với LĐLĐ huyện tổ chức giải bóng chuyền CB CNVC khối xã, thị trấn. Tổ chức thành công giải bóng chuyền nằm trong khung chương trình đại hội TDTT cấp huyện. Đã có 19/22 đơn vị triển khai đại hội thể thao cấp cơ sở.

Bưu chính viễn thông tiếp tục phát triển nhanh, đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Mạng lưới bưu chính được mở rộng, chất lượng viễn thông và Internet ngày càng được nâng cao. Duy trì đều đặn thông tin tuyên truyền trên sóng đài truyền thanh huyện, đưa tin, phản ánh trên các báo tỉnh, trung ương thực hiện kịp thời và hiệu quả. Tích cực kiểm tra các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hoá như: in ấn, xuất bản các loại văn hóa phẩm, karaoke, internet trên địa bàn huyện. Làm tốt công tác thư viện, bảo tàng, thu hút đông đảo bạn đọc và tham quan.

#### **4. Y tế, DS-KHHGD**

Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân, đặc biệt là các bệnh có nguy cơ lây lan cao như: dịch chân tay miệng; H5N1; H1N1 và nguy cơ của sốt rét, sốt xuất huyết. Năm 2013, trên địa bàn huyện đã xuất hiện dịch bệnh chân tay miệng trên 11 xã, thị trấn, trong đó có 44 trường hợp mắc bệnh, không có trường hợp nào bị biến chứng và tử vong.

UBND huyện đã chỉ đạo ngành y tế và các địa phương đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Triển khai Bộ tiêu chí chuẩn Quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 cho 22 xã, thị trấn. Đến cuối năm 2013, toàn huyện có 12 xã/KH 8 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế theo tiêu chí mới.



Đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, kiểm tra vệ sinh ATTP; kiểm tra hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn. Đã tổ chức lễ phát động “Tháng hành động vì chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm” năm 2013 tại xã Vĩnh Thủy với chủ đề “An toàn thực phẩm bếp ăn tập thể”. Tiến hành thanh, kiểm tra ATVSTP trên địa bàn huyện. Kết quả đã kiểm tra được 114 cơ sở. Trong đó, đã xử phạt hành chính 02 cơ sở với số tiền 1.500.000đ; đình chỉ hoạt động 01 cơ sở; nhắc nhở, cảnh cáo: 19 cơ sở và tiêu hủy sản phẩm của 7 cơ sở. 34 cơ sở hành nghề y tế tư nhân được kiểm tra, trong đó cảnh cáo nhắc nhở 21 cơ sở, đình chỉ 8 cơ sở do hoạt động hành nghề y tế tư nhân không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Công tác DS-KHHGD được triển khai và thực hiện đạt kết quả tốt; hoạt động truyền thông dân số được nâng cao về chất lượng và hiệu quả; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2013 đạt tỷ lệ 0,83%. Số người mới sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại tăng. Tiếp tục chỉ đạo tuyên truyền, vận động xây dựng mô hình “Làng không sinh con thứ 3” đạt kết quả tốt. Đến cuối năm 2013, có 80/195 làng, bản khóm phố; 157 cơ quan, đoàn thể, đơn vị, trường học trên địa bàn huyện ký cam kết không sinh con thứ 3 trở lên.

### **5. Chính sách xã hội - Lao động, việc làm và xoá đói giảm nghèo**

Công tác chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, người nghèo và người dân những vùng khó khăn rất được coi trọng; đảm bảo các đối tượng cứu trợ xã hội đều được hưởng chính sách trợ giúp thường xuyên, đặc biệt là chỉ đạo thực hiện các chính sách mới đối với người có công với cách mạng và người khuyết tật. Tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các đối tượng chính sách, lão thành cách mạng, đồng bào dân tộc miền núi, miền biển nơi cuộc sống đang gặp nhiều khó khăn trong các dịp lễ, tết. Đã trao tặng 7 nhà tình nghĩa cho đối tượng chính sách với số tiền 275 triệu đồng. Xây dựng 2 nhà bia tưởng niệm liệt sỹ trị giá 1,3 tỷ đồng. Quan tâm đến công tác bảo trợ trẻ em, đã tổ chức diễn đàn trẻ em huyện và tham gia diễn đàn trẻ em tỉnh; 19/22 xã thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em. Tổ chức trao học bổng cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn học khá, giỏi; Thụ lý 5 hồ sơ mổ tim bẩm sinh.

Công tác hỗ trợ, khắc phục thiệt hại sau bão số 10 và 11 được UBND huyện quan tâm thực hiện. Đã kịp thời thăm và hỗ trợ các gia đình có người bị chết, bị thương do bão, những hộ nghèo, hộ gia đình chính sách chịu thiệt hại nặng do bão gây ra, giúp nhân dân sớm ổn định cuộc sống. Đồng thời tăng cường kêu gọi các đơn vị, các doanh nghiệp hảo tâm, bà con xa quê quyên góp ủng hộ các gia đình bị thiệt hại do bão gây ra.

Trong năm 2013, UBND huyện đã chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Kết quả đã mở 15 lớp, 450 học viên với tổng kinh phí 379 triệu. Ngoài ra, phối hợp với HLHPN tỉnh dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn thêm 7 lớp, 210 học viên. Phối hợp với Sở LĐTBXH tỉnh tổ chức phiên giao dịch việc làm tại huyện đạt thu hút hàng trăm lao động tham gia. Đến cuối năm, giải quyết việc làm mới cho khoảng 1.450 lao động, tỷ lệ lao động được đào tạo tăng lên 41%.

UBND huyện đã tổ chức hội nghị đánh giá 1 năm thực hiện Đề án phát triển KTXH, giảm nghèo bền vững cho các bản có tỷ lệ hộ nghèo cao theo Nghị quyết

06/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và chương trình công tác trọng tâm của huyện. Để thực hiện có hiệu quả Đề án giảm nghèo, huyện Vĩnh Linh đã huy động kinh phí từ các chương trình 134, 135, ngân sách huyện và tài trợ của các đơn vị, doanh nghiệp được gần 10,7 tỷ đồng để xây dựng các công trình thiết yếu phục vụ phát triển KTXH. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới từ 10,1% năm 2012 giảm xuống còn 8,5% năm 2013.

## **6. Tài nguyên - Môi trường**

Hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011-2015. Hoàn thành công tác thống kê, kiểm kê đất đai năm 2012. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra hồ sơ khai thác khoáng sản tại xã Vĩnh Long, Thẩm định hồ sơ thăm dò cát xây dựng trên sông Sa Lung và sông Bến Hải thuộc địa bàn xã Vĩnh Hà; kiểm tra mỏ đá tại Vĩnh Hòa ảnh hưởng đến đất sản xuất của dân; kiểm tra việc khai thác khoáng sản titan của công ty CP khoáng sản Quảng Trị ảnh hưởng đến đê biển tại xã Vĩnh Thái; Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của DNTN Ngọc Tuấn tại Cảng cá Cửa Tùng. Phối hợp với Công an huyện Vĩnh Linh kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của Công ty CP Bắc Trung Bộ phát hiện việc xả thải nước thải ra môi trường.

Kiểm tra hướng dẫn cấp giấy phép cam kết về môi trường của 30 cơ sở sản xuất kinh doanh ăn uống trên địa bàn.

Tăng cường công tác truyền truyền về Tuần lễ biển và Hải đảo Việt Nam, ngày Môi trường thế giới với chủ đề “Hãy nghĩ về môi trường trước khi tiêu thụ thực phẩm”; “Khai thác hải sản đi đôi với bảo vệ môi trường biển, hải đảo” nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong sản xuất theo hướng phát triển kinh tế gắn với bền vững về môi trường.

Tham gia bàn giao đất trên thực địa đối với diện tích đất sau khi rà soát của CTY TNHH MTV Lâm Nghiệp Bến Hải và BQL rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải để giao cho địa phương quản lý tại xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Hà, Vĩnh Ô.

Công tác thu gom và xử lý rác thải ở khu vực thành thị ngày càng được nâng cao, tỷ lệ rác thải được thu gom năm 2013 đạt 88%.

## **III. XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT**

### **1. Công tác tổ chức, xây dựng chính quyền và cải cách hành chính**

Tổ chức bộ máy các cấp tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ cơ sở. UBND huyện đã tổ chức hội nghị đánh giá CBCC thuộc UBND huyện năm 2012 và triển khai nhiệm vụ năm 2013. Ban hành Quyết định bổ nhiệm 9 chức danh lãnh đạo, quản lý của các phòng ban thuộc huyện, các đơn vị trường học. Lập danh sách 07 cán bộ cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND huyện đề nghị Thường vụ Huyện Ủy và Ban Tổ chức huyện ủy xem xét chỉ đạo để thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cán bộ. Phối hợp với Ban tổ chức huyện ủy để xem xét cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị cho cán bộ cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban chưa được đào tạo để tiếp tục đi học, nâng cao trình độ về lý luận chính trị.

Hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp tiến hành việc xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức đối với tất cả các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc huyện theo Nghị định 36/NĐ-CP và Nghị định 41/NĐ-CP của Chính phủ.

UBND huyện phối hợp cùng các cơ quan liên quan tiếp tục khảo sát thực địa tại thị trấn Bến Quan, xã Vĩnh Hà, xã Vĩnh Khê để xây dựng đề án mở rộng địa giới hành chính TT Bến Quan. Tiếp tục chỉ đạo cắm cột mốc giữa 2 đơn vị xã Vĩnh Trung và Vĩnh Thái.

Chỉ đạo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện giải quyết tốt các kiến nghị của công dân, chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tốt việc triển khai lấy ý kiến của nhân dân góp ý vào dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Dự thảo sửa đổi Luật đất đai năm 2003 để báo cáo với UBND tỉnh đúng thời gian quy định.

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, đặc biệt trong việc thực hiện cơ chế “một cửa” trong giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới các tổ chức, cá nhân. Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn ISO mới 9001:2008.

## **2. Hoạt động tư pháp**

Công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý.. được thực hiện tốt. Tổ chức hội nghị triển khai các văn bản luật: Công ước Luật biển 1982 và Luật biển Việt Nam; Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật cho lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, xã và thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện quản lý. Đồng thời triển khai Kế hoạch số 23 ngày 13/6/2013 về việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, đất đai, hôn nhân và gia đình tại các xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê và Vĩnh Hà. Thực hiện công tác hộ tịch, chứng thực theo qui định đảm bảo trình tự thủ tục đúng thời gian; kiểm tra công tác hộ tịch, chứng thực văn bản tại các xã, thị trấn.

## **3. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và tiếp công dân; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí**

Công tác thanh tra được tiếp tục đẩy mạnh, bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện. Hoạt động thanh tra có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý nhà nước, giữ vững, ổn định tình hình an ninh trật tự và củng cố niềm tin trong nhân dân.

Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân trong năm có những chuyển biến tiến bộ, nhiều vụ việc được giải quyết dứt điểm, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, hạn chế khiếu nại vượt cấp, phát sinh điểm nóng. Việc tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại phòng tiếp công dân của huyện đều tuân thủ nội quy, quy định của nhà nước, không xảy ra tình trạng quá khích, gây mất trật tự nơi tiếp công dân.

Công tác phòng chống tham nhũng được tiếp tục đẩy mạnh, nhất là việc tuyên truyền, quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng và triển khai các hoạt động phòng ngừa tham nhũng.



### **C. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG NĂM 2013**

1. Thu hút được nhiều nguồn vốn khác nhau đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng huyện. Trong năm đã khánh thành và tiến hành khởi công mới một số công trình trọng điểm mang tính đột phá của huyện.

2. CTMTQG về XD Nông thôn mới đã đạt được kết quả bước đầu quan trọng.

3. Mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng huyện đã phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn vượt kế hoạch tỉnh giao.

4. Các chính sách xã hội được quan tâm thực hiện tốt, đặc biệt là đã chú trọng đến những chính sách liên quan đến quyền lợi của trẻ em.

5. Công tác hỗ trợ và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra được quan tâm thực hiện kịp thời. Giúp nhân dân ổn định đời sống sinh hoạt và sản xuất sau bão.

6. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư tố cáo được quan tâm giải quyết;

7. Hoàn thành phổ cập cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập tiểu học và THCS.

8. Quốc phòng an ninh được giữ vững.

### **D. NHỮNG KHÓ KHĂN, TỒN TẠI, HẠN CHẾ**

1. Tổng mức thiệt hại toàn huyện do bão số 10, 11 gây ra (chưa tính đến diện lức và viễn thông) là 1.993 tỷ đồng, hơn ½ tổng giá trị hàng hóa dịch vụ mà toàn huyện tạo ra trong năm 2013.

Cây cao su từng là cây thế mạnh của huyện, từng giúp các hộ vươn lên làm giàu, sau thiệt hại của cơn bão số 10 và 11, nhiều hộ cao su đã mất đi nguồn thu nhập, nợ lãi vay ngân hàng và thiếu vốn tái sản xuất.

2. Dịch bệnh diễn ra phức tạp trên cây trồng và vật nuôi. Những cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện trong năm đều bị thiệt hại nặng nề: Lúa mất mùa cả 2 vụ, tôm bị nhiễm bệnh hầu như mất trắng, cúm ở gia cầm, dịch bệnh tai xanh ở lợn khiến đàn gia súc, gia cầm giảm. Sản lượng lương thực có hạt giảm gần 5.600 tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản giảm gần 400 tấn so với năm 2012, giá cả một số sản phẩm nông nghiệp tiếp tục giảm, một số hộ thủy sản lâm vào tình trạng khó khăn, mất vốn tái sản xuất.

3. Thời gian qua, UBND huyện luôn chỉ đạo quyết liệt các ban ngành chức năng phối hợp đẩy đuổi, truy quét lâm tặc trên địa bàn. Xác định sau cơn bão số 10, mức nước ở các sông dâng cao sẽ là điều kiện thuận lợi để các đối tượng khai thác và vận chuyển gỗ trái phép bằng phương thức kết bè thả gỗ trôi sông. UBND huyện đã chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện tăng cường lực lượng tuần tra, theo dõi, nắm chắc tình hình hoạt động của các đối tượng khai thác gỗ lậu trên địa bàn, kết quả đã phát hiện và thu giữ 14 m<sup>3</sup> gỗ thuộc nhóm 7 và nhóm 8 tại địa bàn xã Vĩnh Hà do lâm tặc kết thành bè thả trôi sông.

4. Doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục gặp khó khăn, trong giai đoạn 2011 - 2013 hơn 10% doanh nghiệp phá sản hoặc ngừng hoạt động.

5. Dịch bệnh chân tay miệng diễn ra vào đầu năm tại 11 xã thị trấn.

## **Phần thứ hai**

# **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014**

Năm 2014 dự báo là năm huyện nhà tiếp tục gặp khó khăn do phải khắc phục hậu quả của cơn bão số 10; ngành nông nghiệp của huyện đã bị thiệt hại lớn trong năm 2013. Để có thể hoàn thành được các chỉ tiêu trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011 - 2015 và 3 nhiệm vụ chủ yếu trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Huyện Đảng bộ lần thứ XVII đã đặt ra, toàn Đảng, toàn quân và toàn thể nhân dân huyện Vĩnh Linh cần phải có sự cố gắng, nỗ lực rất lớn. Phát huy tinh thần “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới”, kế thừa những thành quả đã đạt được trong những năm qua, huyện Vĩnh Linh đặt ra những mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2014 như sau:

## **A. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Phát huy tối đa năng lực quản lý, điều hành nhà nước của các cấp chính quyền; huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện. Phần đầu đảm bảo đạt mức tăng trưởng kinh tế khá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng; phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích gắn với hiệu quả kinh tế; Nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho nhân dân; Thực hiện tốt các chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm. Phát triển nguồn lực con người và đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, huy động có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển sản xuất và tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh công tác quốc phòng toàn dân. Giữ vững danh hiệu huyện điển hình về văn hoá và phát huy truyền thống đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

### **II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

#### **1. Các chỉ tiêu về kinh tế**

- Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) tăng lên 15 - 16% so với năm 2013. Trong đó, nông - lâm - ngư nghiệp tăng 6 - 7%; công nghiệp - xây dựng tăng 15 - 16%; thương mại - dịch vụ tăng 22 - 23%.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 31 - 32%; công nghiệp - xây dựng chiếm 27 - 28%; dịch vụ chiếm 40 - 41%.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 2.150 tỷ đồng, trong đó bán lẻ đạt 1.900 tỷ đồng.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 26 - 27 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách nhà nước đạt 299 tỷ đồng; trong đó thu trên địa bàn 40,6 tỷ đồng bao gồm thu thường xuyên 28,1 tỷ đồng, thu từ đầu giá QSD đất 12,5 tỷ đồng.

- Chi ngân sách nhà nước 299 tỷ đồng, trong đó: chi đầu tư phát triển 21,8 tỷ đồng; chi thường xuyên 273,7 tỷ đồng.

- Phân đầu huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ 1.000 đến 1.200 tỷ đồng, trong đó đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng khoảng 150 - 200 tỷ đồng .
- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 36.000 - 37.000 tấn, trong đó lúa 35.000 - 36.000 tấn, ngô đạt 1.000 - 1.200 tấn.
- Trồng mới khoảng 1.500 ha rừng tập trung và 1 triệu cây phân tán.
- Trồng mới và trồng tái canh cây công nghiệp dài ngày khoảng 800 ha. Trong đó cao su trồng mới 200 ha và trồng tái canh khoảng 500 ha, hồ tiêu trồng mới khoảng 100 ha.
- Sản lượng thủy hải sản 4.200 - 4.400 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 2.000 - 2.200 tấn, sản lượng khai thác 2.300 - 2.400 tấn.

## **2. Các chỉ tiêu về Văn hóa - xã hội và môi trường**

- Duy trì phổ cập giáo dục bậc tiểu học, THCS, mầm non 5 tuổi. Thực hiện phổ cập trung học phổ thông.
- Tạo việc làm mới cho 1.300 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 41,5%.
- Giảm tốc độ phát triển dân số tự nhiên xuống còn 0,8%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2014 xuống còn 6 - 6,5%.
- 14 xã đạt chuẩn mới Quốc gia về y tế, tăng 2 xã so với năm 2013.
- Số trường học đạt chuẩn Quốc gia là 46 trường.
- Tỷ lệ rác thải được thu gom ở khu vực thị trấn 88,5%.
- Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh 88,5%.
- Tỷ lệ độ che phủ rừng 50,5%.
- Đến cuối năm 2014 phân đầu 100% xã hoàn thành đề án xây dựng NTM, có 02 xã (Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch) hoàn thành 19 tiêu chí; 02 xã (Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy) đạt 18 tiêu chí; 01 xã (Vĩnh Hiền) đạt 16 tiêu chí; 10 xã đạt từ 10-15 tiêu chí; 04 xã đạt 5-6 tiêu chí.

## **B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN**

### **I. LĨNH VỰC KINH TẾ**

#### **1. Nông - Lâm - Ngư nghiệp và Xây dựng Nông thôn mới**

Quy hoạch, định hướng lại cơ cấu cây trồng vật nuôi thích hợp với điều kiện sản xuất, điều kiện thời tiết khí hậu trên địa bàn. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn với nhiệm vụ xây dựng “Nông thôn mới”.

Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ về vốn, về giống cây trồng vật nuôi, khoa học kỹ thuật. Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để hỗ trợ nông dân. Áp dụng các biện pháp thâm canh tăng năng suất và chuyển đổi hợp lý cơ cấu giống cây trồng vật nuôi, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

Tiếp tục dồn điền, đổi thửa; xây dựng vùng lúa thâm canh cao ở các xã Vĩnh Lâm, Long, Sơn, Thủy; Phân đầu đưa năng suất lúa cả năm lên 52 - 53 tạ/ha; diện tích lúa cả năm là 6.900 ha; trong đó, lúa Đông - Xuân diện tích 3.900 ha, năng suất 52 -

53 tạ/ha, lúa Hè - Thu diện tích 3.000 ha, năng suất 49 - 50 tạ/ha. Tăng diện tích và lựa chọn giống lạc có năng suất, chất lượng cao đưa vào canh tác, phân đầu năm 2014 đưa năng suất cây lạc lên 24 - 25 tạ/ha trên tổng diện tích là 1.500 - 1.600 ha.

Mô hình cao su tiêu điều những năm qua đem lại thu nhập cao cho các hộ, nhiều hộ thậm chí giàu lên nhờ cây cao su. Tuy nhiên, cơn bão số 10 vừa qua, diện tích cao su trên địa bàn bị gãy đổ khiến nhiều hộ mất trắng, nhiều hộ chưa thu hồi được vốn. Có ý kiến về việc có nên tiếp tục trồng cây cao su tại huyện Vĩnh Linh đã được đặt ra. Tuy nhiên, từ kết luận của Hội thảo khoa học do Cục Trồng trọt Bộ NN&PTNT và các ban ngành tổ chức tại huyện Vĩnh Linh đã khẳng định vị trí, vai trò và khả năng phát triển kinh tế của cây cao su tại Vĩnh Linh, vì thế cần tìm ra hướng đi mới cho cây cao su. Trước hết, cần phải có sự quy hoạch lại vùng trồng; vùng có thể trồng; vùng khuyến cáo không nên trồng cao su trên địa bàn huyện. Ở những vùng quy hoạch trồng cao su, cần ứng dụng những giống cây cao su có sức chịu gió cao, đồng thời Nhà nước cần phải có những chính sách, biện pháp hỗ trợ về vốn, giống, kỹ thuật.. cho các hộ. Ở những vùng khuyến cáo không nên trồng cao su, khuyến khích các hộ nên chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khuyến khích trồng cây hồ tiêu ở diện tích và vùng thích hợp với các loại cây hàng năm khác. Kế hoạch năm 2014 trồng mới khoảng 200 ha, trồng tái canh 500 ha cao su. Trồng mới khoảng 100 ha hồ tiêu và tập trung khôi phục diện tích cao su có khả năng khôi phục do ảnh hưởng của bão số 10 và 11 năm 2013.

Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại, gia trại; đa dạng hoá con nuôi và nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm. Chú trọng công tác thú y, bảo vệ môi trường, phòng trừ dịch bệnh. Phân đầu đưa tổng đàn trâu bò đạt 17.000 - 18.000 con, đàn lợn 44 - 45 nghìn con, đàn gia cầm 300 - 350 nghìn con. Thịt hơi xuất chuồng từ 7.900 - 8.000 tấn.

Tiếp tục quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, làm tốt công tác phòng chống cháy rừng. Tăng cường áp dụng các biện pháp lâm sinh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây lâm nghiệp. Phân đầu trồng mới được 1.500 - 1.600 ha rừng; chăm sóc 5000 - 5.500 ha rừng; trồng được khoảng 1 triệu cây phân tán; khai thác 25 - 30 nghìn m<sup>3</sup> gỗ rừng trồng. Đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 50,5%. Tăng cường vận động quần chúng nhân dân kết hợp với việc sử dụng các biện pháp cứng rắn để xử lý việc chặt phá rừng trái phép, nhất là việc chặt phá rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

Khai thác các tiềm năng, điều kiện tự nhiên sẵn có để phát triển ngành thủy sản. Khai thác thủy sản phải đi đôi với bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh khai thác trung bờ, tiến dần tới khai thác xa bờ gắn với công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão và bảo vệ an ninh biên giới biển đảo; khuyến khích phát triển nuôi thủy sản thâm canh, quy mô công nghiệp, kết hợp với bán thâm canh, nuôi tự nhiên quy mô nhỏ và vừa theo hộ gia đình. Chú trọng công tác phòng ngừa dịch bệnh. Xử lý triệt để những ao, hồ nuôi bị bệnh, không để lây lan sang các vụ sau. Phân đầu đưa diện tích nuôi trồng thủy sản lên 850 - 870 ha, trong đó, diện tích nuôi tôm 300 - 320 ha; sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy hải sản đạt 4.300 - 4.500 tấn.

Xác định việc xây dựng nông thôn mới là giải pháp quan trọng và hiệu quả để thúc đẩy kinh tế - xã hội ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực bãi ngang ven biển phát triển theo kịp các vùng miền khác; là cơ hội để xây dựng và hoàn thiện



cơ sở hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn trong toàn huyện. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn và đốc thúc việc hoàn thành đề án nông thôn mới. Huy động tối đa các nguồn lực tập trung xây dựng Nông thôn mới. Lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt ưu tiên các xã điểm xây dựng NTM, xã được bảo trợ của Chủ tịch nước. Hàng năm, trích khoảng 30% vốn XDCB tập trung ngân sách huyện đầu tư vào các xã điểm. Phần đầu đến cuối năm 2014 có 02 xã (Vĩnh Kim, Vĩnh Thạch) hoàn thành bộ chỉ tiêu quốc gia về Nông thôn mới, 02 xã (Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy) đạt 18 tiêu chí, không có xã nào chưa hoàn thành dưới 5 tiêu chí.

Tiếp tục tăng cường chỉ đạo để cụ thể hóa chương trình hành động hỗ trợ làng bản nghèo thuộc các xã đồng bào dân tộc theo đề án và chủ trương toàn khóa của Ban chấp hành Đảng bộ huyện.

## **2. Công nghiệp – XDCB**

Căn cứ giải pháp đã đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của huyện, năm 2013 tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tăng cường thu hút đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế.

Phần đầu đưa tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) ngành công nghiệp - TTCN tăng 14-15%. Trong đó, khu vực Nhà nước tăng 10-11%, khu vực ngoài quốc doanh tăng 16-17%. Ổn định quy mô, sản lượng các sản phẩm chủ yếu, cụ thể: Gạch ngói: 31 - 32 triệu viên, cát sạn 85 - 86 nghìn m<sup>3</sup>, nước máy 490 - 500 nghìn m<sup>3</sup>, khai thác quặng Titan 20 - 21 nghìn tấn, điện thương phẩm 56 - 57 triệu Kw/h, chế biến nước mắm 1.200 - 1.300 nghìn lít.

Phần đầu đưa tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh năm 2010) ngành Xây dựng tăng 16-17%. Tích cực thu hút nhiều nguồn vốn khác nhau, vốn NS nhà nước, vốn ODA, NGO, vốn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đầu tư huy động trong nhân dân để xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Trong năm 2014 phần đầu thu hút khoảng 150 - 200 tỷ đồng đầu tư XDCB.

Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng công trình trọng điểm trên địa bàn huyện trong năm 2014 như: Đường GT Thạch Kim - Hiền Hòa, Đường liên xã Vĩnh Hòa - TT Cửa Tùng, Trụ sở Phòng Tài chính - KH và các phòng ban, Trụ sở UBND thị trấn Cửa Tùng, Đường từ khu 4 Thạch đến UBND thị trấn Cửa Tùng..

Năm 2014, phần đầu thu hút các nguồn vốn ODA, vốn NSTW, NS tỉnh và các nguồn vốn khác đầu tư xây dựng mới các công trình trọng điểm sau của huyện: Nhà văn hóa huyện (tổng mức 68 tỷ, công trình chào mừng 60 năm truyền thống Vĩnh Linh); Cải tạo, mở rộng trụ sở Huyện ủy Vĩnh Linh; Trụ sở UBND xã Vĩnh Sơn; Cải tạo ruộng Bình An xã Vĩnh Chấp; Block vỉa hè, rãnh thoát nước đường Trần Phú và đường Trần Hưng Đạo thị trấn Hồ Xá; Đường du lịch Vĩnh Kim - Bãi Tắm Thái Lai, xã Vĩnh Thái..

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt các Chương trình 20; chương trình bê tông hoá GTNT; Chương trình kiên cố hoá kênh mương; Các Chương trình MTQG. Các công trình thuộc CTMTQG về xây dựng NTM chủ yếu là do các xã làm Chủ đầu tư, tuy nhiên năng lực quản lý, điều hành của các chủ đầu tư còn hạn chế; vì thế, các cơ quan tham mưu về lĩnh vực Đầu tư - Xây dựng như phòng Tài chính - KH, Phòng Kinh tế - Hạ tầng cần có sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời.

Tổ chức tốt công tác lãnh đạo, điều hành quản lý dự án, giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ triển khai dự án đầu tư; xây dựng và thực hiện cơ chế cam kết trách nhiệm giữa chính quyền và nhà đầu tư về lộ trình triển khai dự án. Thực hiện chặt chẽ cơ chế phân cấp quản lý đầu tư và cơ chế giám sát của nhân dân đối với các dự án đầu tư.

### **3. Thương mại - Dịch vụ**

Phần đầu tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ (theo giá so sánh 2010) đạt 2.166 tỷ đồng, tăng 22-23% so với năm 2013, chiếm tỷ trọng 40-41% trong cơ cấu kinh tế.

Phát triển thương mại theo hướng đa dạng hóa các loại hình hoạt động kinh doanh trên cơ sở bình đẳng, hiệu quả và cạnh tranh lành mạnh. Tăng cường kiểm soát thị trường và giá bán các loại hàng hoá bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng; tổ chức các trung tâm đầu mối đảm bảo năng lực phân phối hàng hóa. Mở rộng mạng lưới chợ nông thôn, chợ đầu mối. Thúc đẩy lưu thông hàng hoá, đưa các hàng hoá, dịch vụ đến với vùng nông thôn, miền núi, vùng xa. Năm 2014 phần đầu đưa tổng doanh thu hàng hoá bán lẻ và dịch vụ (theo giá hiện hành) lên 2.150 tỷ đồng, trong đó bán lẻ đạt 1.900 tỷ đồng.

Phát triển đa dạng ngành nghề dịch vụ gắn với nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh doanh. Khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về các ngành dịch vụ trên địa bàn huyện. Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ du lịch (du lịch hoài niệm cách mạng và du lịch sinh thái biển), dịch vụ vận tải, dịch vụ bưu chính viễn thông.

### **4. Tài chính - tín dụng**

Đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn, phần đầu thu đạt và vượt so với dự toán giao đầu năm.

Thực hiện thu đúng, thu đủ các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định. Tăng cường quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, các đối tượng nộp thuế trên địa bàn. Tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất, kinh doanh nhằm nuôi dưỡng nguồn thu và tăng nguồn thu cho ngân sách. Tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển quỹ đất để thực hiện đấu giá, tăng nguồn thu từ đấu giá QSD đất.

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 11 và chỉ thị 1792 của Chính phủ. Thực hiện chi tiêu công khai minh bạch; thực hành tiết kiệm; chống lãng phí, tiêu cực trong chi tiêu ngân sách; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị nếu để xảy ra những vi phạm, thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản công. Nâng cao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị quản lý hành chính theo Nghị định số 130/NĐ-CP; Nghị định số 43/NĐ-CP cho các đơn vị hành chính sự nghiệp. Các đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện tốt Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước theo Quyết định số 64 ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng bộ Tài chính.

Tiếp tục thực hiện công khai thảo luận dự toán, giao dự toán ngân sách năm 2014 đảm bảo các tỷ lệ chi ngân sách cho lĩnh vực giáo dục đào tạo, sự nghiệp môi trường, thực hiện chi đúng, đầy đủ và kịp thời các nguồn chi cho con người.

Nâng cao năng lực của hệ thống ngân hàng và các quỹ tín dụng, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội. Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra công tác tài chính các cấp, bảo đảm quản lý, sử dụng tài chính lành mạnh, đúng quy định.

## **5. Phát triển doanh nghiệp và quản lý HTX**

Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp, các HTX trong việc phát triển sản xuất kinh doanh đồng thời bảo đảm sự quản lý chặt chẽ của nhà nước, nhằm tăng nguồn thu ngân sách cho nhà nước, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng dân cư góp phần giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Các Doanh nghiệp, HTX tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ cùng địa phương bám sát chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, chăm lo phát triển toàn diện về đội ngũ quản lý, nâng cao năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động tiếp cận với thị trường đặc biệt thị trường vốn.

Quan tâm động viên, có chính sách và biện pháp khuyến khích doanh nghiệp thực hiện đạt và vượt kế hoạch thu nộp thuế cho nhà nước năm 2014; tập trung nguồn vốn thanh toán nợ XDCB tồn đọng các năm trước để tháo gỡ khó khăn, tăng nguồn vốn cho doanh nghiệp tái đầu tư phát triển. Có kế hoạch giải pháp cũng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các HTX yếu kém.

## **6. Khoa học công nghệ, Tài nguyên - môi trường**

Đổi mới cơ chế chính sách về Khoa học nghệ, nâng cao đội ngũ cán bộ làm công tác KHCN. Có chính sách khen thưởng, tôn vinh kết quả sáng tạo KHCN, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế xã hội. Kiện toàn hội đồng KHCN huyện, xây dựng hội khoa học kỹ thuật nhằm liên kết các nhà khoa học trên địa bàn để tham mưu, tư vấn cho cấp uỷ chính quyền về các hoạt động KHCN.

Phát động phong trào thi đua nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ vào đời sống sản xuất, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục chỉ đạo công tác quy hoạch sử dụng đất tạo nguồn xây dựng cơ sở hạ tầng. Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước của chính quyền các cấp về khai thác sử dụng và bảo vệ đất đai, tài nguyên, môi trường. Xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý đất đai và môi trường. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền toàn dân bảo vệ môi trường sinh thái. Phấn đấu đưa tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý ở khu vực thành thị đạt 88,5%, khu vực nông thôn đạt 83% trong năm 2014. Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học để đảm bảo độ che phủ rừng đạt 50,5%.

## **II. VĂN HÓA - XÃ HỘI**

### **1. Giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Đổi mới chương trình, nội dung phương pháp giáo dục và công tác quản lý giáo dục. Triển khai đề án xây dựng xã hội học tập huyện giai đoạn 2012 - 2020, phát huy hiệu quả các Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn huyện. Quan tâm chuẩn hóa đội ngũ giáo viên về nghề nghiệp. Triển khai thực hiện tốt quy hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo huyện giai đoạn 2011-2015 và chính sách khuyến khích đối với giáo viên công tác tại miền núi.

Duy trì tốt hiệu quả của công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS và phổ cập mầm non 5 tuổi. Triển khai phổ cập bậc THPT trên địa bàn.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện kiên cố hóa trường lớp học; hoàn thiện cơ bản nhà học các trường Mầm non, Tiểu học vùng khó, vùng núi và nhà ở công vụ cho giáo viên ở địa bàn này. Thực hiện tốt chế độ, chính sách cho cán bộ giáo viên nhằm ổn định đời sống. Huy động nhiều nguồn vốn khắc phục hư hại do bão số 10 gây ra để sớm ổn định công tác dạy và học.

## **2. Văn hoá, du lịch, TDTT và thông tin truyền thông**

Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Tổ chức tốt ngày hội đại đoàn kết, xây dựng khu dân cư tiến tiến, đẩy mạnh việc xây dựng đơn vị văn hoá tại các bản dân tộc. Thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, tăng mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chú trọng tới việc bảo tồn, tôn tạo và gìn giữ các di tích lịch sử văn hoá tại địa phương.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua, phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao sôi nổi sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân hướng đến kỷ niệm 60 năm đặc khu Vĩnh Linh - 60 năm truyền thống Vĩnh Linh (25/8/1954 - 25/8/2014).

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá các hoạt động TDTT. Đảm bảo chương trình giáo dục thể chất trong nhà trường, quan tâm phong trào TDTT quần chúng. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện các môn thể thao có thành tích cao cho các vận động viên để tham gia tại các giải đấu.

Tiếp tục duy trì ấn định về thời lượng phát sóng truyền thanh, tăng tin bài trên sóng QTV, VTV nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân và phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống truyền thanh trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Quản lý, khai thác tốt cơ sở vật chất hiện có.

Triển khai thực hiện đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015. Phát triển mạnh mẽ các dịch vụ bưu chính, viễn thông và internet.

## **3. Y tế, DS - KHHGD**

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ ở tất cả các tuyến. Đặc biệt coi trọng, tăng cường dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em, đối tượng chính sách, các đối tượng được bảo hiểm y tế khác, quan tâm người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10/NQ-HU ngày 27/10/2008 của Huyện uỷ về dân số và chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

Tiếp tục hỗ trợ đầu tư xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020, phấn đấu đến cuối năm 2014 có 14 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế tiêu chí mới. Chú trọng công tác y tế dự phòng, triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm, HIV/AIDS; cúm A H1N1 cúm A H5N1, dịch tiêu chảy cấp, sốt rét, sốt xuất huyết; chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về hành nghề y dược tư nhân

và kinh doanh thuốc, dược phẩm. Tăng cường lực lượng cán bộ y tế cả về số lượng, chất lượng và đạo đức thầy thuốc.

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách về dân số - KHHGD; nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy làm công tác dân số - KHHGD. Tổ chức thực hiện tốt chương trình hành động công tác dân số - KHHGD đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Phấn đấu giảm tỷ lệ phát triển dân số xuống mức 0,8%; giảm tỷ suất sinh ở mức 13,5‰; duy trì và phát triển mô hình làng không có người sinh con thứ 3 trở lên. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ về dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản và KHHGD. Thực hiện có hiệu quả Đề án kiểm soát dân số ở vùng biển, đảo và ven biển giai đoạn 2009-2020, đề án sàng lọc trước sinh và sau sinh, đề án tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân.

#### **4. Chính sách xã hội - Lao động, việc làm và xoá đói giảm nghèo**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách, người dân vùng khó khăn, vùng bị thiên tai dịch bệnh, đồng bào dân tộc thiểu số. Đảm bảo thực hiện tốt chính sách khám chữa bệnh và bảo hiểm y tế cho người nghèo, bảo hiểm y tế trẻ em dưới 6 tuổi. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em nghèo. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc người già, người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện tốt việc chăm lo đối với gia đình chính sách, gia đình thương binh, liệt sỹ; nâng cấp, tôn tạo các nghĩa trang liệt sỹ. Nâng cao hiệu quả các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Ngày vì người nghèo”.

Quan tâm đặc biệt đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang ven biển; ưu tiên quan tâm đến việc phát triển kinh tế - xã hội ở các thôn, bản miền núi đặc biệt khó khăn và xã Vĩnh Ô; thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng và đầu tư phát triển sản xuất, phát triển đời sống tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai thực hiện đề án giảm nghèo bền vững đồng bào dân tộc thiểu số và xã Vĩnh Ô có hiệu quả.

Tiếp tục Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách tạo việc làm mới tại chỗ, xuất khẩu lao động, đưa lao động đi làm việc tại các thành phố lớn; phấn đấu giải quyết việc làm cho 1.300 lao động; dạy nghề cho 900 người lao động nông thôn. Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2014 ở mức 6,5%.

#### **5. Công tác tổ chức xây dựng chính quyền, thi hành pháp luật và giải quyết khiếu nại tố cáo:**

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND các xã thị trấn; rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện. Kiểm tra, chấn chỉnh công tác hộ tịch, chứng thực của UBND các xã, thị trấn.

UBND huyện thực hiện tốt công tác tiếp dân định kỳ và tiếp dân thường xuyên. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ tại Phòng Tiếp dân của UBND huyện. Triển khai có hiệu quả Đề án Đổi mới công tác tiếp dân theo Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện pháp lệnh 34 của UBTVQH về dân chủ xã, phường, thị trấn, các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo có hiệu lực pháp luật và tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong giải quyết khiếu nại, tố

cáo. Tiến hành kiểm tra thực hiện chức trách, nhiệm vụ của một số lãnh đạo phòng ban, xã thị trấn. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 18 của Chính phủ về công tác dân vận chính quyền các cấp.

### **III. AN NINH - QUỐC PHÒNG**

Đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; đấu tranh có hiệu quả phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh.

#### **1. Công tác Quốc phòng – Quân sự**

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Nâng cao chất lượng huấn luyện trình độ khả năng chiến đấu của LLVT. Thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, giảm nhẹ thiên tai. Bồi dưỡng kiến thức QP-AN cho các đối tượng.

Làm tốt công tác tuyển gọi công dân nhập ngũ. Tiếp tục thực hiện luật DQTV, pháp lệnh về lực lượng DBĐV. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo xây dựng cơ sở, hoạt động cụm phát triển KTXH toàn diện, an toàn làm chủ. Từng bước triển khai thực hiện xây dựng công trình quân sự quốc phòng trong khu vực phòng thủ.

#### **2. Công tác An ninh - Trật tự**

Tập trung thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT tại địa phương. Nắm chắc tình hình, ngăn ngừa các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các hoạt động truyền đạo trái phép của các tổ chức tôn giáo, đồng thời tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương giải quyết dứt điểm các mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nội bộ nhân dân. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 48/CT-TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới” và chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy giai đoạn 2011 - 2015. Xây dựng kế hoạch chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm hình sự, tội phạm kinh tế, tham nhũng và các vi phạm pháp luật về TTATXH, kịp thời phát hiện các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Đảm bảo trật tự, an toàn trong việc tổ chức các sự kiện lớn của quê hương, các dịp lễ, tết.

### **C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2014**

#### **1. Triển khai tốt kế hoạch phát triển KTXH năm 2014, có sự phân công trách nhiệm cụ thể, chi tiết, có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng để thực hiện nhiệm vụ**

Việc triển khai kế hoạch phát triển KT - XH 2014 phải cụ thể, trên cơ sở kế hoạch chung từng ngành, từng địa phương phải cụ thể hoá thành mục tiêu, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, bằng các chương trình, đề án cụ thể xác định rõ chương trình nhiệm vụ trọng tâm từng tổ chức, cá nhân; gắn trách nhiệm từng tổ chức, cá nhân với kết quả thực hiện, lấy kết quả nhiệm vụ KT - XH làm thước đo kết quả công tác của cán bộ, công chức, cơ quan, đơn vị.

#### **2. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển**

Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Chính phủ, các bộ, ngành TW, UBND tỉnh và các sở ngành cấp tỉnh để tăng nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện. Đặc biệt

quan tâm thu hút các nguồn vốn ODA, NGO cho giao thông nông thôn và hạ tầng cơ sở.

Thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, nhất là công tác giải phóng mặt bằng để bàn giao xây dựng cho các công trình. Chủ động xây dựng danh mục chuẩn bị đầu tư để gọi vốn. Nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc quản lý dự án và giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường giám sát đầu tư cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng các công trình và hiệu quả sử dụng các nguồn vốn.

Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao theo Nghị quyết của HĐND tỉnh để thu hút và bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng trên địa bàn; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng trường học, công trình nhà văn hóa huyện, Công viên Văn hóa huyện và một số công trình phúc lợi công cộng quan trọng trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện tốt phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm” và đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư XD cơ sở hạ tầng.

### **3. Nghiêm túc triển khai thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ, tập trung giải quyết nợ đọng vốn đầu tư XDCB.**

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng XDCB từ nguồn ngân sách nhà nước và TPCP, trong giai đoạn 2013 - 2015 tới, huyện cần tập trung ngân sách trả nợ các công trình hoàn thành còn thiếu vốn để tháo gỡ khó khăn, tăng nguồn vốn cho doanh nghiệp tái đầu tư phát triển. Như vậy, sẽ chia sẻ được khó khăn với doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huyện nhà phát triển, tăng nguồn thu từ thuế, kinh thích nền kinh tế huyện nhà phát triển năng động.

### **4. Quy hoạch vùng sản xuất cao su tiểu điền, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các biện pháp thâm canh, xen canh, gối vụ. Hỗ trợ, khuyến khích sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn với nhiệm vụ xây dựng “Nông thôn mới”.**

Quy hoạch, định hướng lại việc phát triển Nông nghiệp trên địa bàn. Tăng cường các biện pháp thâm canh, xen canh, gối vụ trong sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Nhà nước như: Hỗ trợ vay vốn; Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ khai hoang phát triển sản xuất; hỗ trợ vận chuyển hàng thiết yếu phục vụ miền núi; các chính sách khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư; hỗ trợ do thiệt hại thiên tai, dịch bệnh gây ra trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất. Khuyến khích đầu tư nâng cao năng lực, hiệu quả khai thác xa bờ; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá.

Xác định việc xây dựng nông thôn mới là giải pháp quan trọng và hiệu quả để thúc đẩy kinh tế - xã hội ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực bãi ngang ven biển phát triển theo kịp các vùng miền khác; là cơ hội để xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, thay đổi bộ mặt nông thôn trong toàn huyện. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn và đốc thúc việc hoàn thành đề án nông thôn mới. Huy động tối đa

các nguồn lực tập trung xây dựng Nông thôn mới. Lồng ghép các nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, đặc biệt ưu tiên các xã điểm xây dựng NTM, xã được bảo trợ của Chủ tịch nước.

#### **5. Thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và văn hoá - xã hội góp phần phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.**

Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đội ngũ nhà giáo gắn với đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục; đẩy mạnh chuẩn hoá và hiện đại hoá trong giáo dục đào tạo, quan tâm đào tạo nghề nông thôn theo QĐ 1956 của Chính phủ.

Chú trọng xây dựng con người, nhất là về nhân cách, đạo đức gắn với xây dựng đời sống lối sống và môi trường văn hoá gắn với cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Quan tâm chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội; ngăn chặn và đẩy lùi các hủ tục, mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội. Xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện tốt bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ và chăm sóc trẻ em.

#### **6. Thực hiện chính sách tạo việc làm, giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội**

Triển khai đồng bộ các chính sách và giải pháp xoá đói, giảm nghèo gắn với giải quyết việc làm và đào tạo nghề nhất là cho người nghèo, lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ.

Quan tâm đặc biệt đến các xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, khu vực bãi ngang ven biển; trong năm ưu tiên quan tâm đến việc phát triển kinh tế - xã hội ở xã miền núi đặc biệt khó khăn Vĩnh Ô; phân công các phòng, ban ngành quan tâm tập huấn hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật nâng cao nhận thức, trình độ văn hoá cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn. Triển khai thực hiện đề án giảm nghèo bền vững đồng bào dân tộc thiểu số và xã Vĩnh Ô có hiệu quả.

Nâng cao chất lượng thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đồng thời tăng cường sự giám sát của các tổ chức trong hệ thống chính trị và của người dân, đảm bảo các chế độ, chính sách được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có hiệu quả.

#### **7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.**

Tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước. Xây dựng nền hành chính, công vụ hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, nhạy bén, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, coi trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Phát huy dân chủ, tăng cường đối thoại và hiệu quả thực thi. Thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính, tăng cường tính minh bạch, công khai, sát thực tiễn. Đẩy mạnh triển khai đề án chính phủ điện tử. Thực hiện nghiêm Luật cán bộ công chức, đảm bảo dân chủ và đề cao kỷ luật hành chính, tinh thần trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ công chức, đổi mới phong cách lễ



lối làm việc, hướng đến mục tiêu phục vụ tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tăng cường công tác kiểm tra về quản lý, điều hành theo chức trách quản lý nhà nước đối với các xã, thị trấn và các phòng ban.

Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng; chú trọng thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đẩy mạnh việc phát hiện, điều tra, kết luận và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc các quy định về chống tham nhũng và lãng phí.

#### **8. Tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững.**

Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ rừng. Bảo vệ tốt rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và khuyến khích phát triển rừng sản xuất. Tích cực triển khai chương trình mục tiêu và kế hoạch hành động quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng; ứng phó có hiệu quả với thiên tai, bão lụt. Chủ động thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn. Có biện pháp tích cực, kịp thời ngăn chặn các hành vi khai thác cát sạn, khoáng sản bừa bãi trái phép.

#### **9. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp để củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh.**

Tiếp tục tăng cường công tác quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội; đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. thực hiện nghiêm kế hoạch, phương án sẵn sàng chiến đấu; kế hoạch phòng thủ, diễn tập của các địa phương, đơn vị; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục quốc phòng an ninh, công tác tuyển sinh, tuyển quân, xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu vững mạnh.

#### **10. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân**

Tăng cường huy động nội lực trong nhân dân, tích cực chủ động tham gia có hiệu quả nhiệm vụ KT-XH. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh, xây dựng đời sống văn hoá. Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, chung sức xây dựng “Nông thôn mới” và xoá đói giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc Vân Kiều mà trọng tâm là xã Vĩnh Ô./. *W*

##### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư; Sở Tài chính;
- TV Huyện uỷ, TT UBND, UBMTTQVN huyện;
- Văn phòng Huyện uỷ;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện;
- Chánh, Phó văn phòng, Chuyên viên;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH *lv***



**Lê Văn Hiền**

**CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TÊ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG**

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	TH2012	Năm 2013		KH 2014	So sánh (%)	
				KH 2013	UTH 2013		UTH 2013/ TH 202	KH 2014/ UTH 2013
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU KINH TÊ</b>							
1	Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tr.đ	3.587.582	4.155.767	4.067.850	4.713.470	113,4	115,9
	<i>Trong đó:</i>							
	- Nông - Lâm - Ngư nghiệp	"	1.249.204	1.305.418	1.206.500	1.283.716	96,6	106,4
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	912.153	1.059.010	1.092.750	1.263.219	119,8	115,6
	- Dịch vụ - TM	"	1.426.225	1.791.339	1.768.600	2.166.535	124,0	122,5
2	Tổng giá trị sản xuất (giá hiện hành)	Tr.đ	4.240.425	5.236.967	4.872.973	5.663.707	114,9	116,2
	<i>Trong đó:</i>							
	- Nông - Lâm - Ngư nghiệp	"	1.674.281	2.015.834	1.655.864	1.796.612	98,9	108,5
	- Công nghiệp - xây dựng	"	1.040.124	1.310.556	1.312.636	1.581.727	126,2	120,5
	- Dịch vụ - TM	"	1.526.020	1.910.577	1.904.473	2.285.368	124,8	120,0
3	Cơ cấu kinh tế	%	100	100	100	100		
	- Nông - Lâm - Ngư nghiệp	"	39,5	38,5	34,0	31,7		
	- Công nghiệp - xây dựng	"	24,5	25,0	26,9	27,9		
	- Dịch vụ	"	36,0	36,5	39,1	40,4		
4	Tổng thu ngân sách	Tr.đ	317.513	276.464	334.505	299.103	105,4	89,4
	<i>Trong đó: Thu trên địa bàn</i>	"	43.734	40.000	44.106	40.600	100,9	92,1
5	Tổng chi ngân sách	Tr.đ	313.474	276.199	328.946	299.103	104,9	90,9
	- Chi đầu tư XDCB		23.807	19.023	28.003	21.842	117,6	78,0
	- Chi thường xuyên		269.904	173.244	285.643	273.726	105,8	95,8
6	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Ng.đ	21.500	24.000	23.510	26.500	109,3	112,7
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG</b>							
1	Dân số trung bình	Người	85.303	86.100	85.846	86.200		
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	1,09	0,80	0,83	0,80		
	- Tỷ suất sinh	‰	17,48	12,60	13,9	13,5		
	- Tỷ suất chết	‰	6,56	5,10	5,60	5,50		
2	Số LĐ được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	1.285	1.300	1.450	1.300		
3	Tỷ lệ lao động được đào tạo	%	39,5	41,0	41,0	41,5		

4	Tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5T	%	1,2	1,00	1,08	1,00		
5	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5T theo cân nặng	%	12,6	10,4	9,7	8,5		
6	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo vệ và chăm sóc	Cháu	870	920	890	920		
7	Số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	Xã	4	8	12	14		
8	Số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	Xã	13	14	19	20		
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia	%	10,1	8,3	8,5	6,5		
10	Tỷ lệ che phủ rừng	%	50	50,5	48,3	50,5		
11	Tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý ở khu vực thành thị	%	87	88,0	88,0	88,5		
12	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	87	88,0	88,0	88,5		

**CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2012	Năm 2013		KH năm 2014	So sánh	
				KH 2013	ƯTH 2013		ƯTH 2013/TH 2012	KH 2014/ƯTH 2013
<b>A</b>	<b>NÔNG - LÂM - THỦY SẢN</b>							
<b>I</b>	<b>GTSX NÔNG - LÂM - NGƯ NGHIỆP</b>							
<b>1</b>	<b>Theo giá so sánh 2010</b>	Tr.đồng	<b>1.249.204</b>	<b>1.305.418</b>	<b>1.206.500</b>	<b>1.283.716</b>	<b>96,6</b>	<b>106,4</b>
	<i>Trong đó</i>							
	<b>- Nông nghiệp</b>	Tr.đồng	<b>1.024.505</b>	<b>1.060.689</b>	<b>981.476</b>	<b>1.042.255</b>	<b>95,8</b>	<b>106,2</b>
	+ Trồng trọt	"	743.205	769.217	702.329	747.278	94,5	106,4
	+ Chăn nuôi	"	248.361	256.557	246.126	259.909	99,1	105,6
	+ Dịch vụ	"	32.939	34.915	33.021	35.069	100,2	106,2
	<b>- Lâm nghiệp</b>	Tr.đồng	<b>64.631</b>	<b>69.371</b>	<b>67.604</b>	<b>71.795</b>	<b>104,6</b>	<b>106,2</b>
	+ Trồng và chăm sóc rừng	"	14.471	15.484	15.166	16.121	104,8	106,3
	+ Khai thác rừng và lâm sản	"	48.431	52.063	50.610	53.698	104,5	106,1
	+ Dịch vụ và lâm nghiệp khác	"	1.729	1.824	1.828	1.977	105,7	108,1
	<b>- Thủy sản</b>	Tr.đồng	<b>160.068</b>	<b>175.357</b>	<b>157.420</b>	<b>169.665</b>	<b>98,3</b>	<b>107,8</b>
	+ Nuôi trồng	"	100.459	112.066	97.215	107.423	96,8	110,5
	+ Khai thác	"	59.609	63.291	60.205	62.243	101,0	103,4
<b>2</b>	<b>Theo giá hiện hành</b>	Tr.đồng	<b>1.674.281</b>	<b>2.015.834</b>	<b>1.655.864</b>	<b>1.796.612</b>	<b>98,9</b>	<b>108,5</b>
	<b>- Nông nghiệp</b>	Tr.đồng	<b>1.324.350</b>	<b>1.556.111</b>	<b>1.295.214</b>	<b>1.396.241</b>	<b>97,8</b>	<b>107,8</b>
	+ Trồng trọt	"	893.377	1.031.850	868.362	936.095	97,2	107,8
	+ Chăn nuôi	"	362.378	430.505	357.667	384.492	98,7	107,5
	+ Dịch vụ	"	68.595	93.756	69.185	75.654	100,9	109,4
	<b>- Lâm nghiệp</b>	Tr.đồng	<b>130.243</b>	<b>167.362</b>	<b>139.771</b>	<b>157.383</b>	<b>107,3</b>	<b>112,6</b>
	+ Trồng và chăm sóc rừng	"	25.836	34.104	27.515	31.037	106,5	112,8
	+ Khai thác rừng và lâm sản	"	95.152	120.843	102.288	115.074	107,5	112,5
	+ Dịch vụ và lâm nghiệp khác	"	9.255	12.416	9.968	11.271	107,7	113,1
	<b>- Thủy sản</b>	Tr.đồng	<b>219.688</b>	<b>292.360</b>	<b>220.878</b>	<b>242.989</b>	<b>100,5</b>	<b>110,0</b>
	+ Nuôi trồng	"	146.900	188.767	146.562	159.606	99,8	108,9
	+ Khai thác	"	72.788	103.594	74.317	83.383	102,1	112,2
<b>II</b>	<b>SẢN PHẨM CHỦ YẾU</b>							
<b>1</b>	<b>Sản lượng lương thực có hạt</b>	Tấn	<b>36.296</b>	<b>35.676</b>	<b>30.710</b>	<b>36.296</b>	<b>84,6</b>	<b>118,2</b>
	<i>Trong đó: Thóc</i>	"	<b>35.604</b>	<b>34.650</b>	<b>29.993</b>	<b>35.176</b>	<b>84,2</b>	<b>117,3</b>

2	Cao su mũ khô		Tấn	7.505	7.520	7.415	6.928	98,8	93,4
3	Tiêu hạt		Tấn	1.034	820	1.157	1.197	111,9	103,5
4	Lạc vỏ		Tấn	3.519	3.798	3.435	3.761	97,6	109,5
III	<b>DIỆN TÍCH, NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG MỘT SỔ CÂY TRỒNG</b>								
1	<b>Cây lương thực</b>								
	- Lúa cả năm	DT	Ha	6.949	6.800	7.033	6.900	101,2	98,1
		NS	Tạ/ha	51,2	51,0	42,6	51,0	83,2	119,5
		SL	Tấn	35.604	34.650	29.993	35.176	84,2	117,3
	- Lúa Đông Xuân	DT	Ha	3.944	3.800	3.952	3.900	100,2	98,7
		NS	Tạ/ha	52,9	52,5	42,5	52,5	80,3	123,5
		SL	Tấn	20.879	19.950	16.796	20.476	80,4	121,9
	- Lúa Hè Thu	DT	Ha	3.005	3.000,0	3.081	3.000	102,5	97,4
		NS	Tạ/ha	49,0	49	42,8	49,0	87,4	114,4
		SL	Tấn	14.725	14.700	13.197	14.700	89,6	111,4
	- Ngô cả năm	DT	Ha	264	380,0	243	400	92,0	164,6
		NS	Tạ/ha	26,2	27	29,5	28,0	112,6	94,9
		SL	Tấn	692	1.026	717	1.120	103,6	156,2
2	<b>Cây lấy bột</b>								
	- Sắn	DT	Ha	1.355	1.330,0	1.352	1.355	99,8	100,2
		NS	Tạ/ha	168,5	168,0	156,0	169	92,6	108,3
		SL	Tấn	22.832	22.344	21.091	22.900	92,4	108,6
	- Khoai lang cả năm	DT	Ha	678	680,0	649	680	95,7	104,8
		NS	Tạ/ha	59,1	59	57,8	59,0	97,8	102,1
		SL	Tấn	4.010	4.012	3.750	4.012	93,5	107,0
	- Cây lấy bột khác	DT	Ha	1.180	1.180	1.179	1.180	99,9	100,1
		NS	Tạ/ha	124,7	125	121,8	125,0	97,7	102,6
		SL	Tấn	14.715	14.750	14.365	14.750	97,6	102,7
3	<b>Cây công nghiệp ngắn ngày</b>								
	- Lạc cả năm	DT	Ha	1.528	1.530	1.414	1.535	92,5	108,6
		NS	Tạ/ha	23,0	24,0	24,3	24,5	105,7	100,8
		SL	Tấn	3.519	3.672	3.435	3.761	97,6	109,5
4	<b>Cây thực phẩm</b>								
	- Đậu các loại	DT	Ha	253	255,0	245	258	96,8	105,3
		NS	Tạ/ha	6,4	6,5	6,5	6,5	102,0	100,0
		SL	Tấn	161	166	159,3	167,7	98,7	105,3

	- Rau các loại CN DT	Ha	810	810,0	798	810	98,5	101,5
	NS	Tạ/ha	75,4	112	104,8	112,0	139,0	106,9
	SL	Tấn	6.105	9.072	8.358	9.072	136,9	108,5
<b>5</b>	<b>Cây hàng năm khác</b>	<b>Ha</b>	<b>341</b>	<b>345</b>	<b>355</b>	<b>360</b>	<b>104,1</b>	<b>101,4</b>
<b>6</b>	<b>Cây công nghiệp dài ngày</b>							
	- Cao su (Tổng số)	Ha	7.151	7.248	6.207	6.907	86,8	111,3
	+ Diện tích trồng mới	"	223	200	256	700		
	+ Diện tích thu hoạch	Ha	4.750	4.900	3.950	4.330		
	NS	Tạ/ha	15,8	16		16,0		
	SL	Tấn	7.505	7.840	7.415	6.928		
	- Hồ tiêu (tổng số)	Ha	945	965	1.028	1.128	108,8	109,7
	+ Diện tích trồng mới	Ha	64	20	83	100	129,7	120,5
	+ Diện tích thu hoạch	Ha	827	830	857	887		
	NS	Tạ/ha	12,5	13	13,5	13,5		
	SL	Tấn	1.034	1.038	1.157	1.197		
<b>7</b>	<b>Chăn nuôi (BQ năm)</b>							
	- Tổng đàn trâu	Con	4.632	5.500	4.509	5.600	97,3	124,2
	- Tổng đàn bò	"	9.657	11.500	9.779	11.500	101,3	117,6
	- Tổng đàn lợn	"	42.752	43.000	43.175	44.000	101,0	104,9
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	273	295	281	300	103,1	106,8
	- Thịt hơi các loại	Tấn	7.691	7.800	6.861	7.900	89,2	115,1
<b>IV</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>1</b>	<b>Trồng rừng mới</b>	<b>Ha</b>	<b>1.500</b>	<b>1.500</b>	<b>1.710</b>	<b>1.500</b>	<b>114,0</b>	<b>87,7</b>
<b>2</b>	<b>Số cây phân tán</b>	<b>1000 cây</b>	<b>800</b>	<b>950</b>	<b>810</b>	<b>1.000</b>	<b>101,3</b>	<b>123,5</b>
<b>3</b>	<b>Diện tích chăm sóc</b>	<b>Ha</b>	<b>4.930</b>	<b>4.500</b>	<b>5.219</b>	<b>5.000</b>	<b>105,9</b>	<b>95,8</b>
<b>4</b>	<b>Khai thác rừng trồng</b>	<b>m3</b>	<b>37.620</b>	<b>20.000</b>	<b>31.600</b>	<b>25.000</b>	<b>84,0</b>	<b>79,1</b>
<b>V</b>	<b>ĐÁNH BẮT, NUÔI TRỒNG THỦY HẢI SẢN</b>							
<b>1</b>	<b>DT nuôi trồng thủy sản</b>	<b>Ha</b>	<b>781</b>	<b>800</b>	<b>823,8</b>	<b>850,0</b>	<b>105,5</b>	<b>103,2</b>
	<i>Trong đó: Nuôi tôm</i>	"	<i>281</i>	<i>310</i>	<i>288</i>	<i>310</i>	<i>102,6</i>	<i>107,6</i>
<b>2</b>	<b>SL nuôi trồng thủy hải sản</b>	<b>Tấn</b>	<b>2.174</b>	<b>1.850</b>	<b>1.403</b>	<b>2.000</b>	<b>64,5</b>	<b>142,6</b>
	<i>Trong đó: Nuôi tôm</i>	"	<i>906</i>	<i>900</i>	<i>494</i>	<i>900</i>	<i>54,5</i>	<i>182,2</i>
<b>3</b>	<b>Khai thác thủy hải sản</b>	<b>"</b>	<b>1.784</b>	<b>2300</b>	<b>2.176</b>	<b>2.300</b>	<b>122,0</b>	<b>105,7</b>
<b>B</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I</b>	<b>GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CN - TTCN</b>							
<b>1</b>	<b>Theo giá SS 2010</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>428.712</b>	<b>526.887</b>	<b>509.130</b>	<b>583.972</b>	<b>118,8</b>	<b>114,7</b>

## CAC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2012	Năm 2013		KH năm 2014
				KH	UTH	
<b>1</b>	<b>Đơn vị hành chính</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>22</b>
	Trong đó:					
	- Xã miền núi khó khăn, vùng sâu, vùng xa	"	3	3	3	3
<b>2</b>	<b>Cung cấp các dịch vụ CSHT thiết yếu</b>					
	- Tổng số xã, thị trấn	Đơn vị	22	22	22	22
	Trong đó: Số xã khó khăn (theo chuẩn mới của chương trình 135)	"	1	1	1	1
	- Số xã có trường tiểu học, nhà trẻ, lớp mẫu giáo	Xã	22	22	22	22
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, thị trấn	%	100	100	100	100
	- Số xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm	Xã	22	22	22	22
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, thị trấn	%	100	100	100	100
	- Số xã có trạm y tế	Xã	22	22	22	22
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, thị trấn	%	100	100	100	100
	- Số xã, thị trấn có bưu điện văn hóa xã	Xã	21	22	21	22
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, thị trấn	%	95,5	100	95,5	100
	- Số xã có điện	Xã	22	22	22	22
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, thị trấn	%	100	100	100	100
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,8	99,9	99,9	100
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	86	88	87,5	88,5
<b>3</b>	<b>Tạo việc làm</b>					
	- Tổng số lao động có việc làm mới trong năm	Người	1.285	1.300	1.450	1.300
	- Số hộ vay vốn tạo việc làm trong năm	Hộ	598	620	650	700
	- Số lao động xuất khẩu và đi làm ăn ở các tỉnh	Người	560	600	750	800
<b>4</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>					
	- Tổng số học sinh phổ thông	HS	14.057	14.250	13.885	14.500
	+ Tiểu học	"	6.104	6.050	6.460	6.500
	+ THCS	"	4.612	4.800	4.428	4.500
	+ THPT	"	3.341	3.400	2.997	3.500
	- Số xã đạt phổ cập THCS	Xã	22	22	22	22
	- Tỷ lệ đạt phổ cập THCS	%	100	100	100	100
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	40	43	43	46
<b>5</b>	<b>Y tế</b>					
	- Tổng số giường bệnh	Giường	427	450	427	460
	- Cán bộ ngành y	Người	275	300	350	360
	Trong đó: Bác sỹ và cao hơn	Người	53	60	61	65
	- Số trạm y tế có bác sỹ	Xã	19	20	22	22
	- Số lượt người khám bệnh	Người	265.745	270.000	264.560	270.000
<b>6</b>	<b>Văn hóa</b>					
	- Tổng số làng bản	Đơn vị	195	195	195	195
	- Số làng bản phát động đơn vị văn hóa	"	185	188	185	188
	- Số làng bản được công nhận đơn vị văn hóa	"	178	180	178	180
	- Tổng số cơ quan, đơn vị	"	130	130	130	130
	- Số cơ quan đơn vị phát động đơn vị văn hóa	"	129	130	129	130
	- Số cơ quan đơn vị được công nhận	"	129	130	129	128
	- Tỷ lệ hộ xem đài THVN	%	99	100	99,5	100
<b>7</b>	<b>Bảo vệ môi trường bền vững</b>					
	- Tỷ lệ rác thải được thu gom xử lý ở khu vực thành thị	%	87	88	88	88,5

	- Khu vực nhà nước	"	155.269	167.225	178.870	197.115	115,2	110,2
	- Khu vực ngoài quốc doanh	"	273.443	359.662	330.260	386.857	120,8	117,1
<b>2</b>	<b>Theo giá hiện hành</b>	"	<b>499.260</b>	<b>647.040</b>	<b>621.578</b>	<b>741.828</b>	<b>124,5</b>	<b>119,3</b>
	- Khu vực nhà nước	"	182.241	201.012	215.956	248.997	118,5	115,3
	- Khu vực ngoài quốc doanh	"	317.019	446.029	405.623	492.831	127,9	121,5
<b>II</b>	<b>MỘT SỐ SẢN PHẨM CHỦ YẾU</b>							
<b>1</b>	<b>Gạch ngói</b>	1000 viên	<b>27.800</b>	<b>30.500</b>	<b>29.800</b>	<b>31.000</b>	<b>107,2</b>	<b>104,0</b>
<b>2</b>	<b>Cát sạn</b>	1000 m3	<b>74</b>	<b>80</b>	<b>71</b>	<b>85</b>	<b>95,9</b>	<b>119,7</b>
<b>3</b>	<b>Nước máy</b>	"	<b>475</b>	<b>470</b>	<b>477</b>	<b>490</b>	<b>100,4</b>	<b>102,7</b>
<b>4</b>	<b>Khai thác quặng Titan</b>	Tấn	<b>22.000</b>	<b>22.000,0</b>	<b>21.200</b>	<b>21.000</b>	<b>96,4</b>	<b>99,1</b>
<b>5</b>	<b>Điện thương phẩm</b>	TrKw/h	<b>53,0</b>	<b>55</b>	<b>54,0</b>	<b>56,0</b>	<b>101,9</b>	<b>103,7</b>
<b>6</b>	<b>Chế biến nước mắm</b>	1000 lít	<b>1.150</b>	<b>1.200</b>	<b>1.215</b>	<b>1.250</b>	<b>105,7</b>	<b>102,9</b>
<b>C</b>	<b>XÂY DỰNG</b>							
<b>1</b>	<b>Theo giá SS 2010</b>	Tr.đồng	<b>483.441</b>	<b>565.863</b>	<b>583.620</b>	<b>679.247</b>	<b>120,7</b>	<b>116,4</b>
<b>2</b>	<b>Theo giá hiện hành</b>	"	<b>540.864</b>	<b>663.516</b>	<b>691.058</b>	<b>839.899</b>	<b>127,8</b>	<b>121,5</b>
<b>D</b>	<b>DỊCH VỤ</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng mức hàng hóa bán lẻ và dịch vụ (Giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	<b>1.430</b>	<b>1.800</b>	<b>1.820</b>	<b>2.150</b>	<b>127,3</b>	<b>118,1</b>
	<i>Trong đó: Bán lẻ</i>	"	<i>1.205</i>	<i>1.500</i>	<i>1.510</i>	<i>1.900</i>	<i>125,3</i>	<i>125,8</i>